

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Phê duyệt của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 38

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô V-2E, Đường số 11, Khu Công nghiệp Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; và Văn phòng đại diện đăng ký tại số 11C, Đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thử	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thử.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0013858701/E-69236811-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh về việc Công ty đã hoàn tất tăng vốn cổ phần sau ngày kết thúc năm tài chính thông qua chương trình Lựa chọn cho người lao động, về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 30 tháng 8 năm 2024. Kết luận ngoại trừ này liên quan đến khả năng thu hồi của khoản phải thu về hợp tác đầu tư với số tiền là 48.232.109.589 VND.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		294.462.878.414	292.726.669.760
110	I. Tiền	4	1.817.009.963	4.957.723.040
111	1. Tiền		1.817.009.963	4.957.723.040
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.611.980.000	4.512.122.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.611.980.000	4.512.122.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		270.074.214.585	270.625.472.841
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	78.235.558.099	52.027.786.687
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	11.669.897.282	5.490.082.191
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	176.400.000.000	132.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	20.910.125.006	98.233.349.660
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9, 10	(17.141.365.802)	(17.125.745.697)
140	IV. Hàng tồn kho		6.948.486.771	2.112.190.679
141	1. Hàng tồn kho	11	6.948.486.771	2.112.190.679
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.011.187.095	10.519.161.200
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	196.604.346	325.788.803
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	10.696.670.597	8.609.144.127
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	117.912.152	1.584.228.270
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		239.052.114.134	244.370.711.239
210	I. Phải thu dài hạn		5.380.000.000	180.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	5.200.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	180.000.000	180.000.000
220	II. Tài sản cố định		46.817.137.352	46.840.100.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.807.798.488	5.825.270.393
222	Nguyên giá		8.491.317.221	8.110.808.637
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.683.518.733)	(2.285.538.244)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	41.009.338.864	41.014.829.776
228	Nguyên giá		41.055.859.091	41.055.859.091
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.520.227)	(41.029.315)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		106.851.852	106.851.852
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		106.851.852	106.851.852
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn	15	185.734.044.862	196.511.123.366
251	1. Đầu tư vào các công ty con		246.945.000.000	246.945.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		10.000.000.000	10.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(71.210.955.138)	(60.433.876.634)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.014.080.068	732.635.852
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	787.991.044	732.635.852
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	226.089.024	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		533.514.992.548	537.097.380.999

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		128.038.971.695	112.771.256.355
310	I. Nợ ngắn hạn		84.833.971.695	110.251.256.355
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	5.705.225.735	1.635.100.769
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.345.789.781	216.185.359
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.610.289.857	197.019.890
314	4. Phải trả người lao động		1.085.431.942	1.493.580.240
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.518.279.658	3.459.549.846
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.522.341.872	3.071.878.511
320	7. Vay ngắn hạn	20	67.740.630.882	96.664.871.380
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	2.305.981.968	3.513.070.360
330	II. Nợ dài hạn		43.205.000.000	2.520.000.000
338	1. Vay dài hạn	20	43.205.000.000	2.520.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		405.476.020.853	424.326.124.644
410	I. Vốn chủ sở hữu	21.1	405.476.020.853	424.326.124.644
411	1. Vốn cổ phần		321.799.990.000	306.799.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		321.799.990.000	306.799.990.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		83.676.030.853	117.526.134.644
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		66.038.136.244	52.699.091.014
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		17.637.894.609	64.827.043.630
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		533.514.992.548	537.097.380.999

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

huan

Nguyễn Hồng Liên
Người lập

Alhoy

Nguyễn Thị Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thứ
Chủ tịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	231.714.712.654	141.178.660.723
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(2.070.277.747)	(6.531.934.342)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	229.644.434.907	134.646.726.381
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(180.367.607.045)	(105.091.869.625)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.276.827.862	29.554.856.756
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	4.265.650.775	2.276.447.067
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(13.801.205.135) (2.846.318.151)	(15.079.031.885) (3.679.879.062)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(9.298.443.449)	(5.135.693.671)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(10.029.562.312)	(7.226.134.266)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.413.267.741	4.390.444.001
31	11. Thu nhập khác		19.019.173	47.558.566
32	12. Chi phí khác		(374.680)	(37.294.647)
40	13. Lợi nhuận khác		18.644.493	10.263.919
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.431.912.234	4.400.707.920
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(3.020.106.649)	(981.773.886)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	226.089.024	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.637.894.609	3.418.934.034

Nguyễn Hồng Liên
Người lập

Nguyễn Thị Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch



Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.431.912.234	4.400.707.920
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	13, 14	403.471.401	111.036.366
03	Các khoản dự phòng		10.792.698.609	10.821.503.291
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(342.854.561)	(27.297.409)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.202.699.604)	(2.052.141.580)
06	Chi phí lãi vay	24	2.846.318.151	3.679.879.062
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.928.846.230	16.933.687.650
09	Giảm các khoản phải thu		45.328.448.607	3.544.855.725
10	Tăng hàng tồn kho		(4.836.296.092)	(938.129.803)
11	Tăng các khoản phải trả		2.280.887.170	41.779.652.284
12	Giảm chi phí trả trước		73.829.265	141.222.372
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.462.027.740)	(5.941.176.802)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1.475.181.905)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.207.088.392)	(746.075.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		69.106.599.048	53.298.854.521
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(380.508.584)	-
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	45.454.545
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	8	(86.600.000.000)	(112.485.600.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi tiết kiệm	8	37.000.000.000	116.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(49.645.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	25.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.198.930.289	48.643.269.295
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(47.781.578.295)	2.583.123.840
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	15.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	20	147.110.630.882	107.019.130.067
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(135.349.871.380)	(149.397.795.673)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(51.487.998.400)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(24.727.238.898)	(42.378.665.606)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(3.402.218.145)	13.503.312.755
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.957.723.040	8.186.079.669
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		261.505.068	27.297.409
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.817.009.963	21.716.689.833

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Hồng Liên
Người lập



Nguyễn Thị Châu
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô V-2E, Đường số 11, Khu Công nghiệp Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; và Văn phòng đại diện đăng ký tại số 11C, Đường Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 57 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 54).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 15.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 28 tháng 8 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|---|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng hóa bất động sản để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.	

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.13 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	5.134.739	3.246.835
Tiền gửi ngân hàng	1.811.875.224	4.954.476.205
TỔNG CỘNG	1.817.009.963	4.957.723.040

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi bằng đô la Mỹ (USD) có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam và không hưởng lãi suất.

Công ty đã dùng toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của các công ty con.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu từ khách hàng	78.201.494.899	52.007.786.687
- Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Nam Việt	18.742.726.080	1.352.084.400
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh	11.600.000.000	11.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	6.299.851.110	8.841.677.118
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF – Nhà máy sữa LOF Hà Nội	5.642.751.330	4.636.440.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	35.916.166.379	25.577.585.169
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	34.063.200	20.000.000
TỔNG CỘNG	78.235.558.099	52.027.786.687
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 10)	(13.142.070.752)	(13.126.450.647)
GIÁ TRỊ THUẦN	65.093.487.347	38.901.336.040

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	(13.126.450.647)	(13.280.181.981)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(29.620.105)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	14.000.000	561.696.589
Số cuối kỳ	<u>(13.142.070.752)</u>	<u>(12.718.485.392)</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho người bán	5.151.707.113	5.201.087.189
- Công ty TNHH Bao bì Ta	5.100.000.000	5.100.000.000
- Các khoản trả trước khác	51.707.113	101.087.189
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	6.518.190.169	288.995.002
TỔNG CỘNG	<u>11.669.897.282</u>	<u>5.490.082.191</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho vay trong kỳ	Thu hồi trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ngắn hạn	132.000.000.000	81.400.000.000	(37.000.000.000)	176.400.000.000
Cho các bên liên quan vay (*)	132.000.000.000	21.400.000.000	(37.000.000.000)	116.400.000.000
Cho cá nhân vay (**)	-	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Dài hạn	-	5.200.000.000	-	5.200.000.000
Cho bên liên quan vay dài hạn (***)	-	5.200.000.000	-	5.200.000.000
TỔNG CỘNG	<u>132.000.000.000</u>	<u>86.600.000.000</u>	<u>(37.000.000.000)</u>	<u>181.600.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản phải thu về cho các bên liên quan vay ngắn hạn như sau (Thuyết minh số 28):

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Công ty Cổ phần Năng và Gió	95.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	4,6 - 5,7	Bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất	Các khoản phải thu của khách hàng và toàn bộ hàng tồn kho đang chuẩn bị thu hoạch
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	16.400.000.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	4,8	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt
Công ty TNHH An Hạnh Thông	5.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	5,9	Bổ sung vốn lưu động	Toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty TNHH An Hạnh Thông

TỔNG CỘNG **116.400.000.000**

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho cá nhân vay ngắn hạn như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Bà Lê Thị Hiền	60.000.000.000	Ngày 7 tháng 9 năm 2025	6,0	Hỗ trợ Công ty nhận chuyển nhượng tài sản	Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất sở hữu bởi bà Hà Thị Mai Hồng

(***) Chi tiết khoản phải thu về cho bên liên quan vay dài hạn như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Công ty Cổ phần Năng và Gió (Thuyết minh số 28)	5.200.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	5,9	Bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất	Các khoản phải thu của khách hàng và toàn bộ hàng tồn kho đang chuẩn bị thu hoạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	20.910.125.006	98.233.349.660
Tạm ứng cho nhân viên	13.717.586.668	28.427.580.637
Phải thu từ vi phạm hợp đồng	3.959.295.050	3.959.295.050
Phải thu tiền lãi cho vay	3.193.243.288	2.189.473.973
Phải thu cổ tức	-	63.617.000.000
Khác	40.000.000	40.000.000
Dài hạn	180.000.000	180.000.000
Ký quỹ, ký cược	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	21.090.125.006	98.413.349.660
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 10)	(3.999.295.050)	(3.999.295.050)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.090.829.956	94.414.054.610
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.786.194.901	82.047.999.107
Phải thu bên khác	9.303.930.105	16.365.350.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			VND
	Giá trị nợ gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị nợ gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(11.600.000.000)	-	11.600.000.000	(11.600.000.000)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô (**)	3.959.295.050	(3.959.295.050)	-	3.959.295.050	(3.959.295.050)	-	
Khác	2.285.033.643	(1.582.070.752)	702.962.891	2.523.323.208	(1.566.450.647)	956.872.561	
TỔNG CỘNG	17.844.328.693	(17.141.365.802)	702.962.891	18.082.618.258	(17.125.745.697)	956.872.561	

(*) Đây là khoản phải thu Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh ("Thiên Minh") liên quan đến việc chuyển nhượng hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ Số 2, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng chuyển nhượng tài sản Số 019278 ngày 18 và 19 tháng 8 năm 2020, và Hợp đồng chuyển nhượng tài sản Số 024495 ngày 12 tháng 10 năm 2020. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định hợp đồng.

(**) Đây là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô ("Thành Đô") theo Thông báo về việc giải quyết thi hành án số 614/TB-CCTHADS ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng liên quan đến chi phí mua Căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng Số 247/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ngày 24 tháng 11 năm 2016 và Căn hộ R1 - 2414 theo Hợp đồng Số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort - MN ngày 24 tháng 11 năm 2016, tại Tổ hợp Dự án CocoBay - Đà Nẵng do Thành Đô là Chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	3.867.600.000	-	-	-
Hàng hóa	3.080.886.771	-	2.112.190.679	-
TỔNG CỘNG	6.948.486.771	-	2.112.190.679	-

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	196.604.346	325.788.803
Chi phí phần mềm	116.911.414	126.048.492
Công cụ, dụng cụ	48.959.061	132.475.272
Khác	30.733.871	67.265.039
Dài hạn	787.991.044	732.635.852
Công cụ, dụng cụ	405.825.859	287.067.558
Khác	382.165.185	445.568.294
TỔNG CỘNG	984.595.390	1.058.424.655

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	8.110.808.637	8.110.808.637
Mua trong kỳ	380.508.584	-	380.508.584
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	380.508.584	8.110.808.637	8.491.317.221
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	-	1.391.272.273	1.391.272.273
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(2.285.538.244)	(2.285.538.244)
Khấu hao trong kỳ	(30.340.035)	(367.640.454)	(397.980.489)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(30.340.035)	(2.653.178.698)	(2.683.518.733)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	5.825.270.393	5.825.270.393
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	350.168.549	5.457.629.939	5.807.798.488

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã dùng một phần tài sản cố định hữu hình làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty.

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(41.029.315)	(41.029.315)
Hao mòn trong kỳ	-	(5.490.912)	(5.490.912)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(46.520.227)	(46.520.227)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	41.000.950.000	13.879.776	41.014.829.776
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	41.000.950.000	8.388.864	41.009.338.864

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Công ty đã dùng một phần tài sản cố định vô hình làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	246.945.000.000	246.945.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	10.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	256.945.000.000	256.945.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(71.210.955.138)	(60.433.876.634)
GIÁ TRỊ THUẦN	185.734.044.862	196.511.123.366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu	Giá trị	% sở hữu	Giá trị
			(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt (i)	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành	Đang hoạt động	99,29	119.145.000.000	99,29	119.145.000.000
Công ty Cổ phần Năng và Gió (ii)	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm	Đang hoạt động	88,00	88.000.000.000	88,00	88.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam (iii)	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành	Đang hoạt động	99,50	39.800.000.000	99,50	39.800.000.000
TỔNG CỘNG				246.945.000.000		246.945.000.000
Dự phòng đầu tư vào các công ty con				(71.210.955.138)		(60.433.876.634)
GIÁ TRỊ THUẦN				175.734.044.862		186.511.123.366

- (i) Đây là khoản đầu tư nắm giữ 99,29% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFF"). VFF là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 4500577748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 20 tháng 5 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của VFF là sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
- (ii) Đây là khoản đầu tư nắm giữ 88,00% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Năng và Gió ("SW"). SW là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 4500624846 do Sở KH&ĐT Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của SW là trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.
- (iii) Đây là khoản đầu tư nắm giữ 99,50% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VNCC"). VNCC là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 3600714322 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 12 năm 2004, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của VNCC là sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Năng và Gió	(71.210.955.138)	(60.433.876.634)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024	
			% sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Chưa hoạt động	20	10.000.000.000

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.078.856.297	645.960.928
Phải trả cho các bên khác	626.369.438	989.139.841
Trong đó:		
Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	213.537.444	371.478.400
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	150.000.000	-
Khác	262.831.994	617.661.441
TỔNG CỘNG	5.705.225.735	1.635.100.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ

	VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
			Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải nộp			
Thuế TNDN	-	3.020.106.649	(1.466.316.118)
Thuế thu nhập cá nhân	197.019.890	2.283.189.841	(2.423.710.405)
Thuế khác	-	3.372.773	(3.372.773)
TỔNG CỘNG	197.019.890	5.306.669.263	(3.893.399.296)
Phải thu			
Thuế GTGT	8.609.144.127	15.459.745.148	(13.372.218.678)
Thuế TNDN	1.466.316.118	-	(1.466.316.118)
Thuế khác	117.912.152	-	-
TỔNG CỘNG	10.193.372.397	15.459.745.148	(14.838.534.796)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí thưởng	1.010.665.868	1.372.384.380
Chi phí đào tạo	961.479.017	1.272.000.000
Khác	546.134.773	815.165.466
TỔNG CỘNG	2.518.279.658	3.459.549.846

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi vay phải trả	1.243.797.260	1.859.506.849
Ký quỹ, ký cược	1.050.800.000	1.022.040.000
Khác	227.744.612	190.331.662
TỔNG CỘNG	2.522.341.872	3.071.878.511
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.243.797.260	1.859.506.849
Phải trả các bên khác	1.278.544.612	1.212.371.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY

	VND				
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Đi vay	Trả nợ gốc vay	Phân loại	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Vay ngắn hạn	96.664.871.380	106.110.630.882	(135.349.871.380)	315.000.000	67.740.630.882
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	38.034.871.380	106.110.630.882	(77.034.871.380)	-	67.110.630.882
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	630.000.000	-	(315.000.000)	315.000.000	630.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 28)	58.000.000.000	-	(58.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn	2.520.000.000	41.000.000.000	-	(315.000.000)	43.205.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 20.2)	-	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.3)	2.520.000.000	-	-	(315.000.000)	2.205.000.000
TỔNG CỘNG	99.184.871.380	147.110.630.882	(135.349.871.380)	-	110.945.630.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty có các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm tài trợ cho vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh 30.4	27.369.474.502	Từ ngày 23 tháng 12 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	5,9	- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất - Các khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho của Công ty
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	23.127.221.640	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2025 đến ngày 6 tháng 12 năm 2025	4,4	- Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số BP055698 cấp ngày 23 tháng 10 năm 2013, - Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số BP337579 cấp ngày 6 tháng 3 năm 2013, - 1.167.492 cổ phiếu phổ thông mã chứng khoán GCF, được niêm yết tại sàn UPCOM, được sở hữu bởi Ông Nguyễn Thành Chung
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	16.613.934.740	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2025 đến ngày 8 tháng 12 năm 2025	4,8	- Các khoản phải thu, và quyền yêu cầu thanh toán khác thuộc sở hữu của GCF phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký giữa GCF và khách hàng, - Tiền thu được hoặc các tài sản hình thành từ tiền thu được từ các quyền, khoản phải thu và các hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên.
TỔNG CỘNG	67.110.630.882			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay dài hạn từ bên liên quan

Công ty có khoản vay dài hạn từ bên liên quan nhằm tài trợ cho vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)		%/năm	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cổ Cò Việt Nam (Thuyết minh số 28)	<u>41.000.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	5,5 - 5,8	Quyền sử dụng đất của thửa đất số 40, tại Số 1505, Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

20.3 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty thực hiện khoản vay ngân hàng dài hạn nhằm tài trợ cho mua sắm tài sản cố định. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	(VND)		%/năm	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	<u>2.835.000.000</u>	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 24 tháng 12 năm 2029	7,9	Tài sản cố định với giá trị được định giá là 4.428.181.818 VND.

Trong đó:	
Vay dài hạn	2.205.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	630.000.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
			VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	306.799.990.000	52.699.091.014	359.499.081.014
Lợi nhuận thuần trong kỳ		<u>3.418.934.034</u>	<u>3.418.934.034</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>306.799.990.000</u>	<u>56.118.025.048</u>	<u>362.918.015.048</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	306.799.990.000	117.526.134.644	424.326.124.644
Tăng vốn trong kỳ (*)	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Cổ tức (**)	-	(51.487.998.400)	(51.487.998.400)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	<u>17.637.894.609</u>	<u>17.637.894.609</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>321.799.990.000</u>	<u>83.676.030.853</u>	<u>405.476.020.853</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 5 tháng 12 năm 2024, theo Nghị quyết Số 15/2024/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc phát hành 1.500.000 cổ phiếu cho người lao động theo chương trình Lựa chọn cho người lao động.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho người lao động là 1.500.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 306.799.990.000 VND lên thành 321.799.990.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 07/UBCK-QLCB vào ngày 5 tháng 3 năm 2025.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 20 cho việc tăng vốn nói trên.

(**) Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GCF ngày 10 tháng 4 năm 2025, cổ đông của công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu của công ty, tại tỷ lệ 16% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (1.600 VND/ cổ phần).

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	306.799.990.000	306.799.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	15.000.000.000	-
Số cuối kỳ	321.799.990.000	306.799.990.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	51.487.998.400	-
Cổ tức đã trả	51.487.998.400	-

21.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu được phép phát hành	32.179.999	30.679.999
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	32.179.999	30.679.999
Cổ phiếu phổ thông	32.179.999	30.679.999
Cổ phiếu đang lưu hành	32.179.999	30.679.999
Cổ phiếu phổ thông	32.179.999	30.679.999

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng doanh thu	231.714.712.654	141.178.660.723
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	231.423.601.540	140.887.549.609
Doanh thu cung cấp dịch vụ	291.111.114	291.111.114
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.070.277.747)	(6.531.934.342)
Giảm giá hàng bán	(1.421.232.747)	(109.202.644)
Chiết khấu thương mại	(600.445.000)	(6.396.759.475)
Hàng bán bị trả lại	(48.600.000)	(25.972.223)
Doanh thu thuần	229.644.434.907	134.646.726.381
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	229.353.323.793	134.355.615.267
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	291.111.114	291.111.114

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền gửi, cho vay	3.202.699.604	2.006.687.035
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.062.951.171	269.760.032
TỔNG CỘNG	4.265.650.775	2.276.447.067

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	180.262.061.591	104.986.324.171
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	105.545.454	105.545.454
TỔNG CỘNG	180.367.607.045	105.091.869.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Dự phòng đầu tư vào công ty con	10.777.078.504	11.383.199.880
Lãi vay	2.846.318.151	3.679.879.062
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	177.808.480	15.952.943
TỔNG CỘNG	13.801.205.135	15.079.031.885

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.146.263.276	2.691.346.840
Chi phí nhân viên	2.389.996.104	1.807.301.021
Chi phí xúc tiến thương mại	1.727.860.341	628.419.969
Chi phí công cụ, dụng cụ	34.323.728	8.625.841
TỔNG CỘNG	9.298.443.449	5.135.693.671

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
		VND
Chi phí nhân viên	5.167.279.762	3.792.633.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.211.208.563	2.888.925.562
Chi phí khấu hao và hao mòn	297.925.947	5.490.912
Chi phí công cụ, dụng cụ	129.338.927	55.586.130
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	15.620.105	361.593.093
Khác	208.189.008	121.905.146
TỔNG CỘNG	10.029.562.312	7.226.134.266

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN	3.020.106.649	956.591.981
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	25.181.905
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.020.106.649	981.773.886
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(226.089.024)	-
TỔNG CỘNG	2.794.017.625	981.773.886

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.431.912.234	4.400.707.920
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.086.382.446	880.141.584
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	79.608.796	76.450.397
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	25.181.905
Lỗ thuế các năm trước chuyển sang	(1.371.973.617)	-
Chi phí thuế TNDN	2.794.017.625	981.773.886

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

				VND	
		<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc</i>
		<i>ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện		226.089.024	-	226.089.024	-

27.4 Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty không còn khoản lỗ thuế lũy kế (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6.859.868.083 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

						VND	
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>		
2023	2028	6.859.868.083 (*)	(6.859.868.083)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		6.859.868.083	(6.859.868.083)	-	-	-	-

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị là người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Fesdy	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị là người đại diện pháp luật
Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa	Công ty liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 11 tháng 4 năm 2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 11 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG	Cổ tức công bố	21.844.160.000	-
	Chi trả cổ tức	21.844.160.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Mua hàng hóa	93.624.481.000	49.621.476.500
	Lãi vay	1.243.797.260	1.089.497.260
	Mua dịch vụ	411.111.114	411.111.114
	Cung cấp dịch vụ	180.000.000	180.000.000
	Bán hàng hoá	107.607.478	14.995.000
	Nhận cổ tức	-	26.516.750.000
	Trả tiền vay	-	48.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Cho vay	5.200.000.000	73.000.000.000
	Lãi cho vay	2.570.284.384	1.208.087.671
	Mua hàng hóa	451.629.500	136.731.254
	Thu hồi khoản cho vay	-	46.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Mua hàng hóa	92.495.375.012	56.653.844.178
	Thu hồi		
	khoản cho vay	37.000.000.000	70.000.000.000
	Cho vay	16.400.000.000	70.000.000.000
	Lãi cho vay	622.958.904	795.595.068
	Cung cấp dịch vụ	111.111.114	111.111.114
	Bán hàng hoá	42.437.036	-
	Nhận cổ tức	-	16.680.000.000
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Cho vay	5.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thứ	Hoàn tạm ứng	113.995.664.709	47.488.115.292
	Tạm ứng	106.029.322.188	51.970.061.000
	Cổ tức công bố	19.635.200.000	-
	Chi trả cổ tức	19.635.200.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tạm ứng	2.780.000.000	1.157.348.027
	Cổ tức công bố	1.032.960.000	-
	Chi trả cổ tức	1.032.960.000	-
	Hoàn tạm ứng	722.231.000	1.458.788.177
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Hoàn tạm ứng	2.000.000.000	49.550.520
	Cổ tức công bố	1.454.908.800	-
	Chi trả cổ tức	1.454.908.800	-
	Tạm ứng	260.000.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	34.063.200	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
		34.063.200	20.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Mua hàng	6.513.227.896	132.403.229
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Mua hàng	4.962.273	156.591.773
		6.518.190.169	288.995.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu khác ngắn hạn			
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tạm ứng	6.161.000.000	7.901.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tạm ứng	2.096.000.000	38.231.000
Ông Nguyễn Văn Thứ	Tạm ứng	335.951.613	8.302.294.134
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Phải thu tiền lãi cho vay	2.570.284.384	2.169.939.726
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Phải thu tiền lãi cho vay	622.958.904	19.534.247
	Cổ tức phải thu	-	29.787.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Cổ tức phải thu	-	33.830.000.000
		11.786.194.901	82.047.999.107
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Cho vay	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Cho vay	16.400.000.000	37.000.000.000
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Cho vay	5.000.000.000	-
		116.400.000.000	132.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Năng và Gió	Cho vay	5.200.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Mua hàng hóa	5.075.622.297	642.726.928
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Mua hàng hóa	3.234.000	3.234.000
		5.078.856.297	645.960.928
Phải trả khác ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Lãi vay	1.243.797.260	1.859.506.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau: (tiếp theo)

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Đi vay	-	58.000.000.000
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Đi vay	41.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

		VND	
Tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	396.827.500	348.453.750
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	276.307.500	221.916.250
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	36.000.000	-
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	36.000.000	-
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên		
	(miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)	-	36.000.000
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên		
	(miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)	-	36.000.000
Ban Kiểm soát			
	Trưởng		
Ông Lê Thanh Duy	Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên	107.348.591	-
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc	346.675.175	345.357.059
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc	339.948.470	340.023.663
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc	339.195.750	-
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc	339.163.250	-
TỔNG CỘNG		2.292.466.236	1.402.750.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	2.879.068.485	3.737.901.819
Từ 1 đến 5 năm	1.083.868.182	2.965.793.939
TỔNG CỘNG	3.962.936.667	6.703.695.758

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GCF ngày 10 tháng 4 năm 2025, cổ đông của công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chào bán 7.135.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG. Vào ngày 31 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chào bán số lượng cổ phiếu nói trên với tổng số tiền là 214.050.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG trong Công ty tăng từ 42,43% lên 52,87%, và chính thức trở thành công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty kể từ thời điểm này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025



Nguyễn Hồng Liên
Người lập



Nguyễn Thị Châu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch